

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HSST
Ngày 12/6/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU', TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Toàn Thắng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hiền; Bà Nguyễn Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Song An, huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HS ngày 01/6/2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 19/4/1993; Nơi cư trú: Thôn Th, xã N, huyện V, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12. Họ tên cha: Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1970, đã chết; Họ tên mẹ: Phạm Thị C, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn Th, xã N, huyện V, tỉnh T; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Học hết lớp 09/12 sau đó nghỉ học ở nhà lao động tự do; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 19/3/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh T (Có mặt tại phiên tòa) .

2. Họ và tên: Trần Văn T; Tên gọi khác: T1; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Thôn Th, xã N, huyện V, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Họ tên cha: Trần Văn Đ, sinh năm 1940; Trú tại: Thôn Th, xã N, huyện V, tỉnh T; Họ tên mẹ: Trần Thị H, sinh năm 1940, đã chết; Vợ: Vũ Thị M, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Thôn Th, xã N, huyện V, tỉnh T; Có 01 con sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Quyết định số 75/QĐ-TA ngày 12/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội thành phố T. Chấp hành xong ngày 02/5/2018; Nhân thân: Bản án số 20/HSST ngày 28/7/2005 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh T

xử phạt Trần Văn T 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 30/9/2015, Chi cục thi hành án dân sự huyện V đã ra Quyết định đình chỉ thi hành đối với nghĩa vụ nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/4/2007; Quyết định số 200 ngày 21/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục đối với Trần Văn T trong thời hạn 02 năm tại Cơ sở giáo dục bắt buộc T H. Chấp hành xong ngày 15/12/2009; Quyết định số 444/QĐ- UBND ngày 01/3/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội thành phố T trong thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 21/02/2012; Quyết định số 71/QĐ- UBND ngày 04/01/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động Xã hội thành phố T trong thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 24/12/2013; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 13/3/2020 đến ngày 19/3/2020 chuyển tạm giam đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh T (Có mặt tại phiên tòa)

* Người chứng kiến:

- Anh Tô Văn Q, sinh năm 1974; Nơi cư trú: tổ A, thị trấn V1, huyện V, tỉnh T.

- Anh Phạm Quang T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: thôn L, xã H, huyện V, tỉnh T. (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 13/3/2020, Nguyễn Văn H đi bộ sang nhà Trần Văn T ở cùng thôn. H nói với T: “Đi sang N Đ lấy quả đồ về chơi”, nghĩa là H rủ T đi sang NĐ mua ma túy về cùng sử dụng. T nói: “Ừ đi” có nghĩa là đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 89K2-7070, dán nhãn Honda Wave, màu trắng chở H đi sang N Đ. Khi đến khu vực cầu T, thành phố NĐ thì H bảo T: “Đợi em để em đi lấy đồ”. T bảo: “Ừ” rồi xuống xe đợi, còn H điều khiển xe của T đi về hướng thành phố N Đ, tỉnh N khoảng 01 km rồi vào một ngõ nhỏ, gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 150.000 đồng được 01 gói nhỏ Hêrôin. H cất giấu gói Hêrôin vừa mua được vào bên trong vết rách trên yên xe máy rồi điều khiển xe quay lại chỗ T đứng đợi. H nói với T: “Em lấy được đồ rồi về thôi” ý nói đã mua được Hêrôin và bảo T đi về. Trên đường về, H bảo T: “Về nghĩa địa cũ chơi nhé”, ý nói là về nghĩa trang thôn Th, xã N để sử dụng ma túy. T nói: “Ừ” nghĩa là đồng ý. Khi đi đến trục đường thôn N, xã H, huyện V thì cả hai bị tổ công tác Công an huyện V giữ lại, kiểm tra. Trước sự chứng kiến của anh Phạm Quang T, sinh năm 1995, và anh Tô Văn Q, sinh năm 1974, tổ công tác đã tiến hành kiểm tra người H thu giữ số tiền 532.000 đồng (Năm trăm ba mươi hai nghìn đồng). Kiểm tra người T không phát hiện thu giữ gì. Kiểm tra xe mô tô do T điều khiển thu bên trong vết rách trên yên xe 01 (một) gói được gói bên ngoài

bằng giấy nilon màu hồng, bên trong gói bằng giấy trắng kim màu vàng, trong cùng chứa chất bột dạng cục màu trắng. H và T khai nhận đó là Hêrôin mua về để cùng sử dụng chung. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản quản lý phương tiện. Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của H và T nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Tại Bản Kết luận giám định số 90/KLGD - PC09 ngày 14/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận 01 gói có chứa chất bột dạng cục màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn H:

“Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin, có khối lượng 0,1090 gam (không phải một nghìn không trăm chín mươi gam).”

Heroine (Hêrôin) STT:09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.

- Cáo trạng số 34/CT-VKSVT, ngày 26/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh T truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

- Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 50 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt Nguyễn Văn H từ 01năm 03 tháng đến 01năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2020.

+ Xử phạt Trần Văn T từ 01năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của Nguyễn Văn H, Trần Văn T niêm phong trong 01 phong bì số 90/KLGD của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T bên trong có chứa 0,0841 gam Hêrôin hoàn lại sau giám định, đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 532.000 đồng.

- Về án phí : Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V. Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập hồi 11 giờ 30 phút ngày 13/3/2020, tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh T (*Bút lục số 06, 07*); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V lập ngày 13/3/2020 (*Bút lục số 08*); Bản Kết luận giám định số 90/KLGD - PC09 ngày 14/3/2020, của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T (*Bút lục số 18*); Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến: anh Phạm Quang T, sinh năm 1995, và anh Tô Văn Q, sinh năm 1974, (*Bút lục từ số 124 đến số 131*), cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Hồi 11 giờ ngày 13/3/2020, tại trục đường thôn N, xã H, huyện V, tỉnh T, tổ công tác Công an huyện V đã phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Văn H và Trần Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói Hêrôin, có khối lượng 0,1090 gam (không phải một nghìn không trăm chín mươi gam), mục đích để cùng sử dụng.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, làm gia tăng tệ nạn về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy phải cần phải xử lý nghiêm khắc thì mới có tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo H là người khởi xướng, bỏ tiền và trực tiếp mua ma túy nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo T khi được rủ đã đồng ý đi cùng và dùng xe chở bị cáo H sang N Đ mua ma túy nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Tuy nhiên bị cáo Trần Văn T có 01 tiền sự và có nhân thân rất xấu đã bị xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và nhiều lần bị đưa vào cơ sở giáo dục và cai nghiện nên phải áp dụng cho bị cáo T mức hình phạt cao hơn bị cáo H.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

[5] Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự theo như quan điểm của Kiểm sát viên đại diện cho VKS tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục và cải tạo thành người có ích cho xã hội.

[6] Về vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của Nguyễn Văn H, Trần Văn T niêm phong trong 01 phong bì hoàn trả mẫu vật gửi giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình. Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 532.000 đồng.

[7] Đối với chiếc xe mô tô biển số 89K2-7070, dán nhãn Honda Wave, sơn màu trắng, Trần Văn T khai mua của một người không quen biết vào khoảng tháng

10/2019. Qua điều tra xác định, đăng ký tên chủ sở hữu xe là anh Vũ Thái H, sinh năm 1984, địa chỉ tại thôn H, xã T, huyện P, tỉnh H1. Hiện nay anh H không có mặt tại địa phương, không xác định được chỗ ở hiện tại nên chưa có lời khai để làm rõ. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe trên để tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ, đúng quy định, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[8] Về nguồn gốc ma túy: Nguyễn Văn H khai mua tại khu thành phố NĐ, tỉnh N của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ nên không có căn cứ điều tra, xử lý.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

2. Hình phạt:

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249, Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 50 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt Nguyễn Văn H 01 năm 03 tháng (Một năm ba tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2020.

+ Xử phạt Trần Văn T 01 năm 09 tháng (Một năm chín tháng) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/3/2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, vì các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,0841 gam Heroine niêm phong trong 01 phong bì số 90/KLGD của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 532.000 (Năm trăm ba mươi hai nghìn) đồng (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V ngày 03/6/2020).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện V;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh T
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Tòa án tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hà Toàn Thắng